

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2025/DS-ST.

Ngày: 18-9-2025.

V/v “Tranh chấp về hợp
đồng dân sự vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tấn Hiếu.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Phú Hữu;

2/ Ông Nguyễn Hồng Thơ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Hà, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 27/2025/TLST-DS, ngày 10 tháng 7 năm 2025, về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2025/QĐXXST-DS, ngày 08/9/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phạm Thị N, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số A, đường B, Phường C, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (nay là số Số A, đường B, Phường C, tỉnh Đồng Tháp);

Người đại diện hợp pháp: Phạm Hồng Th, sinh năm 1981, địa chỉ: Số A, đường B, Phường C, tỉnh Đồng Tháp, là đại diện theo ủy quyền.

- *Bị đơn:* Trương Minh T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số H, hẻm số L, đường T, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Phạm Hồng Thi và anh Trương Minh T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn Phạm Thị N (anh Phạm Hồng Th đại diện) trình bày:*

Ngày 15/4/2022, bà N cho anh T vay 2.000.000.000 đồng, ngày 08/7/2022, bà N cho anh T vay 2.000.000.000 đồng, anh T hứa trả trong thời hạn 02 năm. Sau khi vay đến ngày 19/3/2024, anh T có viết biên nhận cho bà N.

Số tiền trên bà N vay từ Ngân hàng Bản Việt và Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, nên anh T đồng ý trả tiền lãi cho 02 Ngân hàng này thay cho bà N trong thời hạn vay. Sau khi vay, anh T trả tiền lãi đến tháng 10/2024 thì ngưng không trả lãi theo thỏa thuận. Bà N đã nhiều lần yêu cầu anh T trả tiền vốn và lãi, nhưng đến nay anh T vẫn chưa trả.

Theo đơn khởi kiện, bà N yêu cầu anh T trả tiền vốn 4.000.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/10/2024, đến ngày khởi kiện là 10 tháng, với mức lãi suất 0,73%/tháng thành tiền là 290.333.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 4.290.333.000 đồng, và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi trả xong nợ.

Tại phiên tòa, bà N (anh Th đại diện) yêu cầu anh T trả tiền vốn 4.000.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/10/2024, đến ngày xét xử là 11 tháng, với mức lãi suất 0,73%/tháng, thành tiền là 321.200.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 4.321.200.000 đồng, và yêu cầu tính lãi tiếp đến khi trả xong nợ.

- Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, bị đơn Trương Minh T trình bày: Anh T có vay tiền của bà N 02 lần, cụ thể như sau:

Ngày 15/4/2022, anh T vay của bà N 2.000.000.000 đồng, ngày 08/7/2022, anh T vay thêm 2.000.000.000 đồng, anh T hứa trả trong thời hạn 02 năm. Sau khi vay đến ngày 19/3/2024, anh T có viết biên nhận cho bà N, “Biên nhận”, ghi ngày 19/3/2024 do bà N xuất trình cho Tòa án đúng do anh T viết và ký tên.

Sau khi vay, anh T có trả tiền lãi cho Ngân hàng Bản Việt và Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội thay cho bà N đến tháng 10/2024, không nhớ đã trả được bao nhiêu tiền lãi. Trong thời gian vay, anh T đã trả tiền vốn cho bà N nhiều lần, không nhớ cụ thể mỗi lần trả bao nhiêu, chỉ nhớ là trả tổng cộng ít nhất là 350.000.000 đồng, việc trả tiền vốn không có làm biên nhận.

Nay anh T chỉ đồng ý trả cho bà N số tiền vốn 3.500.000.000 đồng, và xin phân tiền lãi 321.200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn Trương Minh T, địa chỉ: Số 79/30, hẻm số 9, đường Trần Thị Nhượng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét tiền vốn:

- Bà N trình bày cho anh T vay 02 lần tổng cộng 4.000.000.000 đồng, anh T thừa nhận có vay của bà N 4.000.000.000 đồng, bà N xuất trình cho Tòa án “Biên nhận”, ghi ngày 19/3/2024, anh T thừa nhận là do anh T viết và ký tên, nội dung biên nhận cũng thể hiện anh T có vay của bà N 02 lần tổng cộng 4.000.000.000 đồng.

- Anh T trình bày, anh đã trả tiền vốn nhiều lần, nhưng không nhớ và cũng không có làm biên nhận.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà N, buộc anh T phải trả cho bà N số tiền vốn 4.000.000.000 đồng.

[2.1] Xét tiền lãi: Bà N yêu cầu tính lãi, với mức lãi suất 0,73%/tháng thành tiền là 321.200.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà N, buộc anh T trả cho bà N tiền lãi 321.200.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải trả cho bà N số tiền 4.321.200.000 đồng, nên phải chịu án phí là 112.321.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị N (anh Phạm Hồng Th đại diện), yêu cầu anh Trương Minh T trả số tiền vốn và lãi tổng cộng là 4.321.200.000 đồng.

3. Buộc anh Trương Minh T trả cho bà Phạm Thị N số tiền vốn và lãi là 4.321.200.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí là 112.321.000 đồng.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND KV 6;
- TAND tỉnh ĐT;
- Các đương sự.
- Lưu.

Đinh Tấn Hiếu